

Bản án số: 63/2024/HS-PT
Ngày 22 tháng 02 năm 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên

Các thẩm phán: Ông Dương Lê Bửu Thiện

Ông Trần Nam Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Nhật - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Tống Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 451/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023, đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc H và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 119/2023/HSST ngày 07/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Ngọc H (Cu Lì); sinh năm: 1996 tại tỉnh Long An; Nơi đăng ký thường trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nơi sinh sống: Ấp G, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ú (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; vợ Nguyễn Thị Thanh H1 và 02 con lớn sinh năm 2021, nhỏ sinh năm 2023; Tiền án: ngày 06/10/2016 bị Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố H xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em” (Bản án số: 564/2016/HS-PT). Đã chấp hành xong hình phạt ngày 29/4/2020 nhưng bị cáo chưa nộp số tiền bồi thường; Tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Lê Trung K (Kiên Trọc); sinh năm: 1984 tại tỉnh Hải Dương. Nơi đăng ký thường trú: 05 tổ B, Khu phố G, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nơi sinh sống: Ấp G, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quý B (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; vợ Trần Thúy M và 01 con

sinh năm: 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2005 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và năm 2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Ngoài ra còn có các bị cáo Nguyễn Thị G, Hoàng Xuân K1, Phạm Văn B1, Vũ Văn C, bị hại nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị G và Văn Kiều T1 cùng làm công nhân Công ty K3 thuộc Khu công nghiệp L, huyện L. Trong lúc làm việc tại công ty, cả hai có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Khoảng 07 giờ ngày 04/8/2022, tại Cổng công ty K3. Giảng và T1 tiếp tục cãi nhau, T1 liền cầm túi xách đập vào đầu, vai của G thì được mọi người can ngăn. Giảng về nhà kể lại sự việc cho con là Hoàng Xuân K1 nghe và nói K1 đánh dẫn mặt T1, K1 đồng ý. Khoảng 07 giờ ngày 05/8/2022, G đi đến cổng Công ty K3 ý định đợi T1 ra ca rồi chỉ cho K1 biết để đánh T1, còn K1 đến nhà anh Nguyễn Trí T2 hỏi mượn xe ô tô hiệu Toyota, biển số: 60A-978.93 nói đi công việc, T2 đồng ý. K1 điều khiển xe ô tô trên quay về nhà K1 lấy 01 cây kiếm, 01 tuýp sắt, 01 dao tự chế bỏ lên xe rồi điện thoại cho Vũ Văn C kêu C đi đến Công ty K3 gặp bà G xem ai đánh bà G thì điện báo cho K1, C đồng ý, C nhờ N1 (không rõ lai lịch điều khiển xe mô tô chở C đến Công ty, K1 tiếp tục điện thoại cho Phạm Văn B1, Nguyễn Ngọc H, Lê Trung K kể lại sự việc bà G bị T1 đánh và nói gọi thêm người cùng đi đánh những người đánh mẹ của K1, tất cả đồng ý. K1 điện thoại gọi Lê Văn L nói L đi với K1 đến công ty để K1 hỏi chị T1 lý do sao đánh mẹ K1, L đồng ý. Sau đó, K1 điều khiển xe ô tô đến đón B1, H, L, K và một thanh niên (không rõ nhân thân) đi chung với K cùng đến Công ty K3, còn C cùng N1 đi đến trước đến Công ty K3 gặp bà G, C nói cho bà G biết là K1 kêu C đến để đánh T1. Lúc này, có Cao Trường A, Lê Phước Tiến T3, Mai Quốc V và Huỳnh Minh K2 là người thân của T1 đến công ty đón T1 về, bà G chỉ cho C biết, C liền đi đến hỏi anh A việc đánh bà G hôm qua, hai bên lời qua tiếng lại thì C điện thoại kêu K1 đến, K1 điều khiển xe ô tô đến cổng Công ty K3 thì thấy C đang nói chuyện với người nhà của chị T1. K1 liền xuống xe, lấy 01 cây tuýp sắt thì L cầm tay K1 nói “tại sao mày nói với tao là xuống đây hỏi nguyên nhân vì sao người ta đánh mẹ của mày, mà bây giờ mày lại cầm cây đánh người ta”. K1 không nói gì và lấy thêm cây kiếm nhét xuống xe chạy về phía anh A, anh T3 và anh V, K1 cầm kiếm đánh từ trên xuống trúng vào vai trái của anh A, anh V thấy vậy bỏ chạy, K1 rút kiếm ra khỏi vỏ chạy lại chỗ anh A đang bị đánh nằm

dưới đất, K1 dùng kiếm chém vào người anh A, anh A đưa hai tay lên đỡ thì bị chém trúng vào hai cánh tay bị thương tích. Cùng lúc này người thanh niên (không rõ lai lịch) đi chung nhóm với K1 cầm 01 cây sắt (không rõ hình dạng) đánh một cái trúng tay trái của anh K2, K2 bỏ chạy vào hướng cổng Công ty thì bị Nguyễn Ngọc H đuổi theo dùng tay kéo lại, H và Phạm Văn B1 dùng tay đánh hai cái vào mặt và vai anh K2, người thanh niên (không rõ lai lịch) cầm cây sắt đánh anh K2 nhưng được L can ngăn, C chạy lại xe ô tô biển số 60A- 978.93 lấy 01 cây sắt đuổi theo đánh anh K2 01 cái trúng vào lưng, K1 cầm kiếm, người thanh niên (không rõ lai lịch) cầm cây sắt cả hai chém và đánh nhiều cái trúng vào người anh A, N1 dùng chân đạp 01 cái trúng vào người anh A, xong cả bốn bỏ đi. Sau đó, K1 bị Công an đồn Khu công nghiệp L triệu tập làm việc, lập hồ sơ chuyển Công an huyện L xử lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0879/TgT/2022 ngày 12/8/2022 của Trung tâm pháp y Sở Y kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Huỳnh Minh K2 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Tổn thương gãy 1/3 dưới trụ trái. Tỷ lệ: 10%.
2. Kết luận: Căn cứ thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y1 Quy định tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Huỳnh Minh K2, áp dụng theo phương pháp cộng tại thông tư là: 10%
3. Kết luận khác: Vật gây thương tích: Vật tày.

Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L trung cầu giám định bổ sung sau khi bệnh nhân điều trị ổn định và tháo bột để đánh giá mức độ can xương, đánh giá chức năng tay trái và xác định vết bầm tím đùi trái có để lại dấu vết và để lại sẹo hay không?

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 1015/TgT/2022 ngày 20/9/2022 của Trung tâm pháp y Sở Y kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Huỳnh Minh K2 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Đã được Trung tâm P kết luận tại thời điểm bó bột cánh cẳng bàn tay trái chưa có dấu hiệu can xương, chưa đánh giá được di chứng với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 10% tại kết luận số: 0879/TgT/2022 ngày 12/8/2022.

Phản giám định bổ sung:

- Tổn thương gãy 1/3 dưới trụ trái can xấu, lệch trục. Tỷ lệ: 21%.
- Không định tỷ lệ do chấn thương đùi phải và vết bầm tím đùi trái hiện tại không để lại dấu vết, không để lại di chứng và không ảnh hưởng chức năng.

2. Kết luận: Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y1 Quy định tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, tổn thương cơ

thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Huỳnh Minh K2, áp dụng theo phương pháp cộng tại thông tư là: 21%.

3. Kết luận khác:

Vật gây thương tích: Vật tày.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0893/TgT/2022 ngày 02/8/2022 của Trung tâm pháp y Sở Y kết luận Cao Trường A như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương ngón 2 tay phải kích thước 04 x 0,2cm. Tỷ lệ: 01%
- Vết thương ngón 4 tay phải kích thước 02 x 0,2cm. Tỷ lệ: 01%
- Vết thương ngón 5 tay phải kích thước 01 x 0,2cm. Tỷ lệ: 01%
- Vết thương gan bàn ngón 3 tay phải kích thước 05 x 0,2cm. Tỷ lệ: 01%
- Vết thương ngón 4 tay trái kích thước 03 x 0,3cm. Tỷ lệ: 02%

2. Kết luận: Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y1 Quy định tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Cao Tường A1, áp dụng theo phương pháp cộng tại thông tư là: 6%.

3. Kết luận khác:

Vật gây thương tích:

- + Thương tích tay 02 bên do vật sắc.
- + Chấn thương cổ, vai, chân phải do vật tày.

Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L trung cầu giám định bổ sung sau khi bệnh nhân điều trị ổn định để xác định tỷ lệ vỡ một phần chỏm khớp đốt giữa ngón 4 tay trái, đánh giá chức năng cổ bàn tay phải và ngón 4 tay trái. Xác định vết bầm tím cổ, vai, chân phải có để lại biến đổi sắc tố da đùi hoặc để lại sẹo hay không?

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 00944/TgT/2022 ngày 13/9/2022 của Trung tâm pháp y Sở Y kết luận Cao Trường A như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Đã được Trung tâm pháp y Sở Y kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 5,86% (làm tròn 6%). Tại Bản kết luận số: 0893/TgT/2022 ngày 12/8/2022.

Phần giám định bổ sung:

- Vết biến đổi sắc tố da vùng vai phải. Tỷ lệ: 01%
- Vết biến đổi sắc tố da cẳng chân phải. Tỷ lệ 01%
- Tổn thương mẻ chỏm đốt I ngón 4 có mảnh rời bàn tay trái. Tỷ lệ: 02%

2. Kết luận: Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y1 Quy định tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Cao Tường A1 áp dụng theo phương pháp cộng tại thông tư là: 10%.

3. Kết luận khác:

- Vật gây thương tích:
- + Thương tích tay hai bên do vật sắc.
- + Chấn thương cổ, vai, chân phải do vật tày.

Tại bản án số: 119/2023/HSST ngày 07/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện L tuyên xử:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Trung K 02 (hai) năm tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Ngoài ra bản án còn tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị G 01 năm 04 tháng tù; Hoàng Xuân K1 02 năm 06 tháng tù; Phạm Văn B1, Vũ Văn C mỗi bị cáo 02 năm tù đều về tội “Cố ý gây thương tích” về phần án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Vào các ngày 20 và 21 tháng 7 năm 2023 bị cáo Vũ Văn C làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo; bị cáo Lê Trung K, Nguyễn Ngọc H xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo.

Ngày 27/11/2023 bị cáo Vũ Văn C xin rút đơn kháng cáo, ngày 09/01/2024 Tòa án ra thông báo số 05/2024/TB – TA về việc rút kháng cáo của bị cáo là phù hợp quy định pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” và áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự (áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H) xử phạt bị cáo Lê Trung K 02 (hai) năm tù, bị cáo Nguyễn Ngọc H 02 năm 06 tháng tù là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo H không cung cấp tình tiết mới, bị cáo K cung cấp các tình tiết mới như bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện đang nuôi mẹ già không còn khả năng lao động. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, cấp sơ thẩm xét xử mức án trên là phù hợp quy định pháp luật nên không có cơ sở xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Trung K, Nguyễn Ngọc H làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm..

Bị cáo Vũ Văn C xin rút đơn kháng cáo, ngày 09/01/2024 Tòa án ra thông báo số 05/2024/TB – TA về việc rút kháng cáo của bị cáo là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm đã nêu thể hiện:

Vào khoảng 07 giờ ngày 04/8/2022, Nguyễn Thị G và Văn Kiều T1 cùng làm công nhân Công ty K3, cả hai có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. T1 cầm túi xách đánh G, G về kể lại sự việc cho Hoàng Xuân K1 nghe và kêu K1 vào Công ty đánh dần mặt T1, K1 đồng ý. Đến khoảng 07 giờ ngày 05/8/2022, Hoàng Xuân K1 đã chuẩn bị hung khí 01 cây kiếm nhật, 01 tuýp sắt, 01 dao tự chế và rủ Vũ Văn C, C rủ tên N1 (là bạn), Phạm Văn B1, Nguyễn Ngọc H, Lê Trung K đi đến Công ty để đánh T1. Khi đến Công ty thì thấy Cao Trường A, Lê Phước Tiến T3, Mai Quốc V và Huỳnh Minh K2 thì K1 cùng B1, H, K, C sử dụng hung khí đánh, chém anh Huỳnh Minh K2 gây thương tích 21% và anh Cao Trường A gây thương tích 10%. Lời khai nhận của các bị cáo hoàn toàn trùng khớp với lời khai ban đầu cùng các chứng cứ khác được thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Tòa án cấp sơ thẩm xử các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Lê Trung K về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo: Các bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào việc bị cáo K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm vào tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; Bị hại cũng có đơn xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; sau khi phạm tội các bị cáo ra đầu thú được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ đó, Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo K mức án 02 năm tù; bị cáo H mức án 02 năm 06 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đúng quy định pháp luật.

Bị cáo H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới, như đã phân tích trên, cấp sơ thẩm xử bị cáo mức án trên là phù hợp quy định pháp luật. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo K kháng cáo xin cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt. Trong quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo cung cấp cho hội đồng xét xử 01 đơn có xác nhận của địa phương thể hiện bị cáo là lao động chính trong gia đình phải nuôi mẹ già mất sức lao động. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng không phải là tình tiết giảm nhẹ đặc biệt, trong khi gia đình bị cáo có 04 anh em nên trách nhiệm nuôi mẹ là của cả 4 anh em. Bị cáo K nhân thân từng 02 lần bị Tòa án xét xử, sau khi chấp hành hình phạt tù bị cáo không lấy đó làm bài học răn dạy bản thân lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện bị cáo sống coi

thường pháp luật. Do đó, để nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm, không có cơ sở giảm án đối với bị cáo K.

[4] Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc.

[5] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc H, Lê Trung K. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 119/2023/HSST ngày 07/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai.

1.1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc H** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

1.2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Lê Trung K 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 05/8/2022 đến ngày 29/9/2022.

2. Các bị cáo bị xét xử về tội “*Cố ý gây thương tích*”

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân huyện L (2);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện L;
- Công an huyện L;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- Bị cáo, bị hại.
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

Nguyễn Thị Quyên

